TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN ĐỀ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/DS-ST
Ngày: 05-4-2019
V/v tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Thái Ngọc**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Hà Quốc Tuấn**;

2. Bà **Hà Ngân Kim Tới**;

- Thư ký phiên tòa: Ông **Dương Chiêu Hùng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông **Trần Văn Hướng –** Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 103/2018/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2018, về "Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXX-ST ngày 04 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Hộ kinh doanh T,** do ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1982 làm đại diện, địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn T, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Bị đơn: Ông **Ngô Văn T.1,** sinh năm 1969, ở địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn T, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Theo đơn khởi kiện ngày 10/9/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Thanh T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Hộ kinh doanh T trình bày như sau: Vào khoảng thời gian từ tháng 4 năm 2015 đến tháng 12 năm 2016 âm lịch ông Ngô Văn T.1 có mua tấm, cám, thức ăn nuôi heo của nguyên đơn nhưng chỉ trả tiền được một phần và khi hai bên kết sổ vào ngày 26/12/2016 thì ông T.1 còn nợ nguyên đơn số tiền 11.095.000 đồng, từ khi kết sổ đến nay mặc dù ông đã yêu cầu ông T.1 trả nợ nhưng ông T.1 vẫn không trả. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông T.1 trả tiền mua tấm, cám còn thiếu là 11.095.000 đồng. Việc ông T.1 đưa ra thời gian thanh toán số nợ 11.095.000 đồng vào tháng 7 năm 2019 thì nguyên đơn không đồng ý.

Các tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện gồm:

- Biên bản hòa giải cơ sở do tổ hòa giải Ấp Đ, thị trấn T, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng lập ngày 13/9/2018;

- Sổ kẻ ô vuông gồm có 08 trang có ghi bằng mực màu đen và mực màu xanh thể hiện việc mua bán. Trong đó có nội dung "26/12/16^{AL} còn thiếu 11.095.000;

***** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Ngô Văn T.1 trình bày: Trong khoảng thời gian từ tháng 4 năm 2015 đến tháng 12 năm 2016 âm lịch ông có mua tấm, cám, thức ăn để nuôi heo của Hộ kinh doanh T và khi hai bên kết sổ ông còn thiếu nguyên đơn số tiền 11.095.000 đồng. Hai bên chỉ thực hiện việc mua và ký vào sổ theo dõi. Giữa ông T.1 và Hộ kinh doanh T có thỏa thuận là khi bán heo vào tháng 12 năm 2016 sẽ trả tiền. Tuy nhiên do heo bị bệnh chết một số con nên khi bán heo ông T.1 chỉ thanh toán cho Hộ kinh doanh T được một số tiền. Sau đó giữa Hộ kinh doanh T và ông T.1 đã tiến hành kết sổ nợ và thống nhất xác định ông T.1 còn nợ Hộ kinh doanh T số tiền mua tấm, cám, thức ăn nuôi heo là 11.095.000 đồng (bút lục số 28). Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông T.1 đưa ra thời gian thanh toán là tháng 7 năm 2019 sẽ trả dứt nợ (bút lục số 34).

* Tại phiên tòa Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Ngô Văn T.1 đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Ngô Văn T.1.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa Hộ kinh doanh T, do ông Nguyễn Thanh T làm đại diện khởi kiện yêu cầu ông Ngô Văn T.1 trả tiền mua tấm, cám, thức ăn nuôi heo còn thiếu quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản" theo quy định tại Điều 430 của Bộ luật Dân sự và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Ngô Văn T.1 có nơi cư trú tại Ấp Đ, thị trấn T, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, nên theo quy

định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Trần Đề thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Căn cứ vào Biên bản hòa giải cơ sở do ban nhân dân Ấp Đ, thị trấn T lập ngày 13/9/2018 và lời trình bày của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định giữa Nguyên đơn và Bị đơn đã xác lập hợp đồng mua bán tài sản là: tấm, cám, thức ăn nuôi heo.

[4] Hộ kinh doanh T yêu cầu ông Ngô Văn T.1 trả tiền do mua tấm, cám, thức ăn nuôi heo còn thiếu là 11.095.000 đồng. Căn cứ vào Biên bản hòa giải cơ sở do ban nhân dân Ấp Đ, thị trấn T lập ngày 13/9/2018 và trong quá trình giải quyết vụ bị đơn ông Ngô Văn T.1 cũng thừa nhận là có nợ số tiền 11.095.000 đồng như nguyên đơn trình bày.

[5] Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: "*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Do đó sự thừa nhận của ông T.1 đối với số tiền còn nợ do mua tấm, cám của Hộ kinh doanh T là 11.095.000 đồng đến nay chưa trả là có thật.

[6] Xét hợp đồng mua bán tấm, cám giữa Nguyên đơn với Bị đơn: Khi hai bên tiến hành mua, bán tấm, cám, thức ăn nuôi heo thì không có thỏa thuận về thời gian cụ thể trả số tiền khi mua tài sản. Khi mua bán Nguyên đơn đã giao tài sản cho Bị đơn và Bị đơn Tú đã nhận tài sản xong nhưng không thanh toán tiền đầy đủ cho bên bán là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Căn cứ khoản 3 Điều 434 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định "*Bên mua thanh toán tiền mua theo thời gian thỏa thuận. Nếu không xác định hoặc xác định không rõ ràng thời gian thanh toán thì bên mua phải thanh toán ngay tại thời điểm nhận tài sản mua hoặc nhận giấy tờ chứng nhận quyền sở hữu tài sản*".

[7] Về nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 289 của Bộ luật Dân sự 2015: *"1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thoả thuận. 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thoả thuận khác"*. Do Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Do đó ông Ngô Văn T.1 chỉ phải trả lại tiền mua tấm, cám cho Hộ kinh doanh T là 11.095.000 đồng.

[8] Từ những phân tích trên cho thấy yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh T là có căn cứ chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử xét buộc bị đơn Ngô Văn T.1 trả cho Nguyên đơn Hộ kinh doanh T số tiền mua bán tấm, cám, thức ăn nuôi heo là 11.095.000 đồng.

[9] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Hộ kinh doanh T được chấp nhận nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ

phí Tòa án thì ông Ngô Văn T.1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.095.000 đồng x 5% = 554.750 đồng, còn Hộ kinh doanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[10] Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án là Hộ kinh doanh T cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án là ông Ngô Văn T.1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10%/năm được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

[11] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hộ kinh doanh T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Ngô Văn T.1 có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tống đạt hợp lệ;

[12] Như vậy, đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 289, Điều 357, khoản 3 Điều 434, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh T - do ông Nguyễn Thanh T đại diện. Buộc ông Ngô Văn T.1 trả cho Hộ kinh doanh T – do ông Nguyễn Thanh T làm đại diện số tiền là 11.095.000 đồng (Mười một triệu không trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

2.Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Ngô Văn T.1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 554.750 đồng (Năm trăm năm mươi bốn ngàn bảy trăm năm mươi đồng).

- Hộ kinh doanh T - do ông Nguyễn Thanh T đại diện không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Hộ kinh doanh T (do ông Nguyễn Thanh T đại diện) số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002865, ngày 05/12/2018, của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án là Hộ kinh doanh T cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án là ông Ngô Văn T.1 còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10%/năm được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Hộ kinh doanh T - do ông Nguyễn Thanh T đại diện có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với ông Ngô Văn T.1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc hoặc ngày Tòa án tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Các bên đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV &THA);
- VKSND huyện Trần Đề;
- Chi cục THADS huyện Trần Đề;
- Lưu (HSVA & TA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thái Ngọc